



PHẦN I: LUYỆN TỪ VÀ CÂU

A1: Mở rộng vốn từ: Nhân hậu - Đoàn kết

Bài 1: Tìm từ ngữ nói về:

- Thể hiện lòng nhân hậu, tình cảm yêu thương đồng loại.
- Thể hiện tính cách hay việc làm trái với lòng nhân hậu, yêu thương.
- Thể hiện tinh thần đùm bọc, giúp đỡ đồng loại.
- Thể hiện tính cách hay việc làm trái với đùm bọc, giúp đỡ.

Bài 2: Cho các từ sau: "nhân dân, nhân hậu, nhân ái, nhân tài, công nhân, nhân đức, nhân từ, nhân loại, nhân nghĩa, nhân quyền". Hãy xếp:

- Từ có tiếng "nhân" có nghĩa là người.
- Từ có tiếng "nhân" có nghĩa là lòng thương người.

Bài 3: Đặt câu với 1 từ ở nhóm a, 1 từ ở nhóm b nói trên.

Bài 4: Khoanh tròn vào chữ cái trước câu có dùng sai từ có tiếng "nhân":

- Thời đại nào nước ta cũng có nhiều nhân tài.
- Nhân dân ta có truyền thống lao động cần cù.
- Bà tôi là người nhân hậu, thấy ai gặp khó khăn, bà thường hết lòng giúp đỡ.
- Cô giáo lớp tôi rất nhân tài.

Bài 5: Viết 2 thành ngữ (hoặc tục ngữ) vào chỗ trống:

- Nói về tình đoàn kết
- Nói về lòng nhân hậu.
- Trái với lòng nhân hậu.

Bài 6: Các câu dưới đây khuyên ta điều gì, chê điều gì?

- Ở hiền gặp lành.
- Trâu buộc ghét trâu ăn.
- Một cây làm chẳng nên non.
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.

Bài 7: Tìm 5 thành ngữ T, tục ngữ nói về đạo đức và lối sống lành mạnh, tốt đẹp của con người Việt Nam. Đặt câu với 1 thành ngữ vừa tìm.

Bài 8: Em hiểu nghĩa của các thành ngữ dưới đây như thế nào?

- Môi hở răng lạnh.
- Máu chảy ruột mềm.
- Nhường cơm sẻ áo.
- Lá lành đùm lá rách.

Giải nghĩa câu tục ngữ: "Một con ngựa đau cả tàu không ăn cỏ".



B1: Từ đơn và từ phức

Bài 1: Tìm 1 từ đơn và 1 từ phức nói về lòng nhân hậu. Đặt câu với mỗi từ vừa tìm.

Bài 2: Tìm từ đơn, từ phức trong câu văn:

- a. Một người ăn xin già lợm khộm đứng ngay trước mặt tôi.
- b. Đôi mắt ông lão đỏ đơ và giàn giụa nước mắt.

Bài 3: a. Tìm từ đơn, từ phức trong các câu thơ sau:

"Đời cha ông với đời tôi
 Như con sông với chân trời đã xa
 Chỉ còn truyện cổ thiết tha
 Cho tôi nhận mặt ông cha của mình".

- b. Em hiểu như thế nào về nội dung 2 dòng thơ cuối.

Bài 4: Tìm 5 từ phức có tiếng "anh", 5 từ phức có tiếng "hùng" theo nghĩa của từng tiếng trong từ "anh hùng".

B2: Từ ghép và từ láy

Bài 1: Hãy xếp các từ phức sau thành hai loại: Từ ghép và từ láy: sừng sững, chung quanh, lưng củng, hung dữ, mộc mạc, nhũn nhặn, cứng cáp, dẻo dai, vững chắc, thanh cao, giản dị, chí khí.

Bài 2: a. Những từ nào là từ láy

Ngay ngắn	Ngay thẳng	Ngay đơ
Thẳng thắn	Thẳng tuột	Thẳng tắp

- b. Những từ nào không phải từ ghép?

Chân thành	Chân thật	Chân tình
Thật thà	Thật sự	Thật tình

Bài 3: Từ láy "xanh xao" dùng để tả màu sắc của đối tượng:

- a. da người
- b. lá cây còn non
- c. lá cây đã già
- d. trời.

Bài 4: Xếp các từ: chằm chọc, chặm chạp, mê mẩn, mong ngóng, nhỏ nhẹ, mong mỏi, phương hướng, vương vấn, tưới tắn vào 2 cột: từ ghép và từ láy.

Bài 5: a. Tạo 2 từ ghép có nghĩa phân loại, 2 từ ghép có nghĩa tổng hợp, 1 từ láy từ mỗi tiếng sau: nhỏ, sáng, lạnh.

b. Tạo 1 từ ghép, 1 từ láy chỉ màu sắc từ mỗi tiếng sau: xanh, đỏ, trắng, vàng, đen.

Bài 6: Cho các từ: mãi miết, xa xôi, xa lạ, phẳng lặng, phẳng phiu, mong ngóng, mong mỏi, mơ mộng.

- a. Xếp những từ trên thành 2 nhóm: từ ghép, từ láy.
- b. Cho biết tên gọi của kiểu từ ghép và từ láy ở mỗi nhóm trên.

Bài 7: Cho đoạn văn sau:

"Đêm về khuya lặng gió. Sương phủ trắng mặt sông. Những bầy cá nhao lên đớp sương "tom tốp", lúc đầu còn loáng thoáng dần dần tiếng tũng



toăng xôn xao quanh mạn thuyền".

a. Tìm những từ láy có trong đoạn văn.

b. Phân loại các từ láy tìm được theo các kiểu từ láy đã học.

Bài 8: Xác định rõ 2 kiểu từ ghép đã học (từ ghép có nghĩa phân loại, từ ghép có nghĩa tổng hợp) trong các từ ghép sau: nóng bỏng, nóng ran, nóng nực, nóng giãy, lạnh buốt, lạnh ngắt, lạnh giá.

Bài 9: Tìm các từ láy có 2, 3, 4 tiếng

Bài 10: Em hãy ghép 5 tiếng sau thành 9 từ ghép thích hợp: thích, quý, yêu, thương, mến.

Bài 11: Xác định từ láy trong các dòng thơ sau và cho biết chúng thuộc vào loại từ láy nào:

Gió nâng tiếng hát chói chang
Long lanh lưỡi hái liếm ngang chân trời
Tay nhè nh? chút, người ơi
Trông đôi hạt rụng hạt rơi xót lòng.

Mảnh sân trắng lúa chắt đầy
Vàng tuôn trong tiếng máy quay xập xình

Nắng già hạt gạo thơm ngon
Bụng lưng cơm trắng nắng còn thơm tho.

Bài 12: Tìm từ đơn, từ láy, từ ghép trong các câu:

a. Mưa mùa xuân xôn xao, phơi phới... Những hạt mưa bé nhỏ, mềm mại, rơi mà như nhảy nhót.

b. Chú chuồn chuồn nước tung cánh bay vọt lên. Cái bóng chú nhỏ xíu lướt nhanh trên mặt hồ. Mặt hồ trải rộng mênh mông và lặng sóng.

c. Ngoài đường, tiếng mưa rơi lộp độp, tiếng chân người chạy lép nhép.

d. Hằng năm, vào mùa xuân, tiết trời ấm áp, đồng bào Ê đê, Mơ-nông lại tung bừng mở hội đua voi.

e. Suối chảy róc rách.

Bài 13: Tìm từ láy trong đoạn văn sau:

Bản làng đã thức giấc. Đó đây, ánh lửa hồng bập bùng trên các bếp. Ngoài bờ ruộng đã có bước chân người đi, tiếng nói chuyện rì rầm, tiếng gọi nhau í ới.

Tầng sáng, vòm trời cao xanh mênh mông. Gió từ trên đỉnh núi tràn xuống thung lũng mát rượi.

Bài 14: Tìm những tiếng có thể kết hợp với "lẽ" để tạo thành từ ghép. Tìm từ cùng nghĩa và từ trái nghĩa với từ "lẽ phép".

Bài 15: Cho 1 số từ sau: thật thà, bạn bè, hư hỏng, san sẻ, bạn học, chăm chỉ, gán bó, bạn đường, ngoan ngoãn, giúp đỡ, bạn đọc, khó khăn.



Hãy xếp các từ trên vào 3 nhóm:

- Từ ghép tổng hợp.
- Từ ghép phân loại.
- Từ láy.

Bài 16: Trong bài: "Tre Việt Nam" nhà thơ Nguyễn Duy có viết:

"Bão bùng thân bọc lấy thân
Tay ôm, tay níu tre gần nhau thêm
Thương nhau tre chẳng ở riêng
Lũy thành từ đó mà nên hỡi người".

Trong đoạn thơ trên, tác giả ca ngợi những phẩm chất nào của tre?

Tác giả đã dùng cách nói gì để ca ngợi những phẩm chất đó.

Bài 17: Phân các từ ghép sau thành 2 loại:

Học tập, học đòi, học hỏi, học vẹt, học gạo, học lỏm, học hành, anh cả, anh em, anh trai, anh rể, bạn học, bạn đọc, bạn đường.

A2: Mở rộng vốn từ: Trung thực - Tự trọng

Bài 1: a. Những từ nào cùng nghĩa với "trung thực"

ngay thẳng	bình tĩnh	thật thà	chân thành
thành thực	tự tin	chân thực	nhân đức

b. Những từ nào trái nghĩa với "trung thực"

độc ác	gian dối	lừa đảo	thô bạo
tò mò	nóng nảy	dối trá	xảo quyệt

Bài 2: Những câu nào dùng đúng từ cùng nghĩa hoặc trái nghĩa với từ "trung thực":

- Kì kiểm tra cuối năm, Nam đã gian dối trong khi làm bài.
- Tính tình của bạn tôi rất ngay thẳng.
- Hoa đã chân thành nhận khuyết điểm trước lớp.
- Bọn giặc rất xảo quyệt, chúng vờ như ta ở phía trước, vừa chuẩn bị đánh úp quân ta sau lưng.
- Chúng tôi xin thật thà cảm ơn quý khán giả.

Bài 3: Tìm các từ ghép và từ láy về tính trung thực của con người có chứa các tiếng sau đây:

- Ngay
- Thẳng
- Thật

Đặt câu với mỗi từ vừa tìm được.

Bài 4: Trong số các thành ngữ dưới đây, thành ngữ nào nói về tính "trung thực" thành ngữ nào nói về tính "tự trọng"

- | | |
|--------------------------------|--------------------------------|
| a. Thẳng như ruột ngựa | g. Ăn ngay ở thẳng |
| b. Thật thà là cha quý quái | h. Khom lưng uốn gối |
| c. Cây ngay không sợ chết đứng | i. Vào luôn ra cúi |
| d. Giấy rách phải giữ lấy lề | h. Thuốc đắng dã tật |
| | e. Đói cho sạch rách cho thơm. |



Bài 5: a. Tìm 2 thành ngữ (hoặc tục ngữ) nói về tính trung thực
Tìm 2 thành ngữ (hoặc tục ngữ) nói về lòng tự trọng.

b. Đặt 1 câu trong đó có thành ngữ hoặc tục ngữ vừa tìm được.

Bài 6: Trong bài: "Việt Nam thân yêu" nhà thơ Nguyễn Đình Thi có viết:

"Việt Nam đất nước ta ơi
Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn
Cánh cò bay lả rập rờn
Mây mờ che đỉnh Trường Sơn sớm chiều".

Đọc đoạn thơ trên, em cảm nhận được những điều gì về đất nước Việt Nam.

B3: Danh từ

Bài 1: Xác định danh từ trong đoạn văn sau:

Chú chuồn chuồn nước mới đẹp làm sao! Màu vàng trên lưng chú lấp lánh. Bốn cái cánh mỏng như giấy bóng. Cái đầu tròn và hai con mắt long lanh như thủy tinh.

Bài 2: Tìm các danh từ có trong đoạn thơ sau:

- a. Quê hương là cánh diều biếc
Tuổi thơ con thả trên đồng
Quê hương là con đò nhỏ
Êm đềm khua nước ven sông.
- b. Bà đắp thành lập trại
Chống áp bức cường quyền
Nghe lời bà kêu gọi
Cả nước ta vùng lên.

Bài 3: Xác định các danh từ trong đoạn văn sau:

"Bản lũng đã thức giấc. Đó đây ánh lửa hồng bập bùng trên các bếp. Ngoài bờ ruộng đã có bước chân người đi, tiếng nói chuyện rì rầm tiếng gọi nhau í ới".

Bài 4: Tìm danh từ có trong câu văn sau:

Ngay thềm lăng, mười tám cây vạn tuế tượng trưng cho một đoàn quân danh dự đứng trang nghiêm.

Bài 5: Xác định từ loại của các từ: "niềm vui, nỗi buồn, cái đẹp, sự đau khổ" và tìm thêm các từ tương tự.

Bài 6: Tìm từ chỉ sự vật, chỉ hoạt động và chỉ đặc điểm có trong đoạn thơ sau:

Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng
Ngày xuân mơ nở trắng rừng
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang.



A3: Mở rộng vốn từ: Ước mơ

Bài 1: Những từ nào cùng nghĩa với từ "Ước mơ"

- | | | |
|-------------|---------------|------------|
| a. mong ước | d. mơ | h. ước ao |
| b. mơ ước | e. ước nguyện | i. mơ màng |
| c. mơ tưởng | g. mơ mộng | |

Bài 2: Những ước mơ nào giúp ích cho con người

- | | |
|----------------------|---------------------|
| a. Mơ ước cao đẹp | e. Mơ ước cao cả |
| b. Mơ ước hảo huyền | g. Mơ ước bệnh hoạn |
| c. Mơ ước viễn vông | h. Mơ ước quái đản |
| d. Mơ ước chính đáng | i. Mơ ước lành mạnh |

Bài 3: Giải nghĩa các thành ngữ:

- | | |
|----------------------|------------------------------|
| a. Được voi đòi tiên | d. Ước của trái mùa |
| b. Cầu được ước thấy | e. Đứng núi này trông núi nọ |
| c. Ước sao được vậy | h. Nằm mơ giữa ban ngày. |

Đặt câu với mỗi thành ngữ trên.

Bài 4:

"Quê hương là cánh diều biếc
 Tuổi thơ con thả trên đồng
 Quê hương là con đò nhỏ
 Êm đềm khua nước ven sông".

Đọc đoạn thơ trên em thấy được những ý nghĩa và tình cảm của nhà thơ đối với quê hương như thế nào?

B4: Động từ

Bài 1: Gạch dưới động từ trong mỗi cụm từ sau:

- | | | |
|-------------|----------------|----------------|
| a. trông em | d. quét nhà | h. xem truyện |
| b. tưới rau | e. học bài | i. gấp quần áo |
| c. nấu cơm | g. làm bài tập | |

Bài 2: Tìm danh từ, động từ trong các câu văn:

- Vàng trắng tròn quá, ánh trăng trong xanh toả khắp khu rừng.
- Gió bắt đầu thổi mạnh, lá cây rơi nhiều, từng đàn cò bay nhanh theo mây.
- Sau tiếng chuông chùa, mặt trăng đã nhỏ lại, sáng vàng vạc.

Bài 3: Xác định từ loại trong các từ của các câu:

- Nước chảy đá mòn.
- Dân giàu, nước mạnh.

Bài 4: Xác định từ loại:

Nhìn xa trông rộng
 Nước chảy bèo trôi
 Phận hẩm duyên ôi
 Vụng chèo khéo chống
 Gạn đục khơi trong



Ăn vóc học hay.

Bài 5: Xác định từ loại:

- a. Em mơ làm mây trắng
Bay khắp nẻo trời cao
Nhìn non sông gấm vóc
Quê mình đẹp biết bao.
- b. Cây dừa xanh toả nhiều tàu
Dang tay đón gió gập đầu gọi trăng.

Bài 6: Tìm danh từ, động từ trong các câu sau:

Trên nương, mỗi người một việc, người lớn thì đánh trâu ra cày. Các cụ già nhặt cỏ, đốt lá. Mấy chú bé đi tìm chỗ ven suối để bắc bếp thổi cơm. Các bà mẹ cúi lom khom tra ngô.

Bài 7: Viết đoạn văn (5 - 7 câu) kể về những việc em làm vào một buổi trong ngày. Gạch dưới các động từ em đã dùng.

A4: Mở rộng vốn từ: Ý chí - Nghị lực

Bài 1: Tìm các từ:

- a. Nói lên ý chí, nghị lực của con người.
- b. Nêu những hiện tượng trái với ý chí, nghị lực.
- c. Nêu lên những thử thách đối với ý chí, nghị lực của con người.

Bài 2: Xếp các từ tìm được thành 3 loại: danh từ, động từ, tính từ.

Bài 3: Viết 3 - 5 từ phức mở đầu bằng tiếng "quyết" nói về ý chí của con người

Bài 4: Viết (5 - 6) từ có nghĩa trái ngược với ý chí và nghị lực.

Bài 5: Những câu tục ngữ nào nói về ý chí, nghị lực?

- a. Một câu nhịn, chín câu lành
- b. Lửa thử vàng, gian nan thử sức.
- c. Cửa rề rề không bằng nghề trong tay
- d. Nước lũ mà vã nên hồ
Tay không mà nổi cơ đồ mới ngoan
- e. Có vất vả mới thanh nhàn.
Không dung ai dễ cầm tàn che cho.
- g. Chớ thấy sóng cả mà lo
Sóng cả mặc sóng chèo cho có chùng.

Bài 6: Hãy viết một đoạn văn ngắn (5 - 7 câu) nói về người có ý chí, nghị lực nên đã vượt qua thử thách đạt được thành công (có sử dụng từ đã học).



Danh từ, động từ, tính từ

Bài 1: a. Điền thêm tiếng (vào chỗ trống) sau mỗi tiếng dưới đây để tạo ra 2 từ ghép có nghĩa phân loại và 2 từ ghép có nghĩa tổng hợp.

làng.....; ăn.....; vui

b. Giải nghĩa câu tục ngữ: "Đói cho sạch, rách cho thơm".

Bài 2: a. Hãy tìm 5 từ ghép, 5 từ láy nói về tình cảm, phẩm chất của con người. Đặt 1 câu với một trong số những từ vừa tìm được ở trên.

b. Tìm 3 cặp từ trái nghĩa nói về việc học hành. Hãy đặt 1 câu với 1 trong 3 cặp từ trái nghĩa ấy.

Bài 3: Tìm những tiếng có thể kết hợp với lễ để tạo thành từ ghép. Tìm từ đồng nghĩa và từ trái nghĩa với từ "lễ phép".

Bài 4: Cho các kết hợp hai tiếng sau: xe đạp, xe máy, xe cộ, máy bay, đạp xe, xe kéo, kéo xe, khoai nướng, khoai luộc, luộc khoai, múa hát, tập hát, tập múa, bánh rán, rán bánh, bánh kẹo.

Hãy:

a. Xác định những kết hợp nào trong các kết hợp trên là từ ghép.

b. Phân loại các từ ghép đó.

Bài 5: "Sầu riêng thơm mùi thơm của mít chín quyện với hương bưởi, béo cái béo của trứng gà, ngọt cái vị của mật ong già hạn".

a. Tìm các tính từ có trong câu văn.

b. Nhận xét về từ loại của các từ "cái béo, mùi thơm".

Bài 6: Hãy tách thành các từ loại (DT, ĐT, TT) trong đoạn thơ sau:

Bút chì xanh đỏ
Em gọt hai đầu
Em thử hai màu
Xanh tươi, đỏ thắm
Em vẽ làng xóm
Tre xanh, lúa xanh
Sông máng lượn quanh
Một dòng xanh mát.

Bài 7: Tìm DT, ĐT, TT có trong khổ thơ sau:

Em mơ làm gió mát
Xua bao nỗi nhọc nhằn
Bác nông dân cày ruộng
Chú công nhân chuyên cần.

Bài 8: Hãy tìm hai thành ngữ, tục ngữ nói về quê hương đất nước. Giải thích và đặt câu với thành ngữ, tục ngữ vừa tìm được.

Bài 9: Xác định từ đơn, từ ghép trong đoạn thơ sau:

"Hạt gạo làng ta
Có vị phù sa



Của sông Kinh Thầy
 Có hương sen thơm
 Trong hồ nước đầy
 Có lời mẹ hát
 Ngọt bùi hôm nay"

Bài 10: Xác định từ loại của các từ sau: niềm vui, vui tươi, vui chơi, yêu thương, đáng yêu, tình yêu, thương yêu, dễ thương.

Bài 11:

Bóng mây
 Hôm nay trời nắng chang chang
 Mẹ em đi cấy phơi lưng cả ngày
 Ước gì em hoá đám mây
 Em che cho mẹ suốt ngày bóng râm

Đọc bài thơ trên, em thấy được những nét gì đẹp về tình cảm của người con đối với mẹ.

A5: Mở rộng vốn từ: Đồ chơi - trò chơi

Bài 1: Viết tên các trò chơi cho trong ngoặc đơn vào từng cột cho phù hợp: (chuyền thẻ, ô ăn quan, nhảy dây, kéo co, cướp cờ, nhảy lò cò, trốn tìm, cờ vua, tam cúc, chim bay cò bay, mèo đuổi chuột).

A Trò chơi rèn luyện sức khỏe	B Trò chơi luyện trí tuệ	C Trò chơi rèn luyện sự khéo léo

Bài 2: Điền tiếp vào chỗ trống các từ chỉ tên trò chơi

a. Tên 3 trò chơi bắt đầu bằng danh từ

VD: cờ vua

b. Tên 3 trò chơi bắt đầu bằng động từ

VD: nhảy dây.

Bài 3: Chọn thành ngữ, tục ngữ thích hợp để khuyên bạn:

a. Nếu bạn em chơi với một số bạn hư nên học kém hẳn đi.

b. Nếu bạn em thích trèo lên một chỗ cao chênh vênh, rất nguy hiểm để tỏ ra là mình gan dạ.

A6: Mở rộng vốn từ: Tài năng

Bài 1: Viết tiếp 3 từ ngữ nói về tài năng của con người.

Tài năng, nghệ thuật....

Bài 2: Mỗi từ ngữ, tục ngữ sau nói về tài năng gì của con người.

a. Thay trời làm mưa

b. Nghiêng đồng đổ nước ra sông

c. Nước lũ mà vã nên hồ



d. Tay không mà nổi cơ đồ mới ngoan.

Bài 3: Viết đoạn văn khoảng 3 - 4 câu nói về 1 người có tài năng mà em biết.

A7: Mở rộng vốn từ: Sức khoẻ

Bài 1: Tìm các từ ngữ:

- Chỉ những hoạt động có lợi cho sức khoẻ.
- Chỉ những đặc điểm của một cơ thể khoẻ mạnh.

Bài 2: Kể tên các môn thể thao mà em biết.

Bài 3: Các từ ngữ nào nói về vẻ bên ngoài của một người khoẻ mạnh:

- | | | |
|---------------|----------------|----------------|
| a. rắn rỏi | d. xương xương | h. lêu đêu |
| b. rắn chắc | e. lực lưỡng | i. cường tráng |
| c. mảnh khảnh | g. vạm vỡ | |

Bài 4: Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để hoàn chỉnh các thành ngữ sau:

- a. Khoẻ như.....
- b. Nhanh như.....

Bài 5: Câu tục ngữ sau nói lên điều gì?

Ăn được ngủ được là tiên

Không ăn không ngủ mất tiền mà lo.

Bài 6: Các thành ngữ nào nói về tình trạng sức khoẻ của con người:

- | | |
|---------------------|----------------------------|
| a. Khoẻ như trâu | d. Khôn nhà dại chợ |
| b. Chậm như sên | e. Xanh như tàu lá |
| c. Một tay xách nhẹ | g. Liệt giường liệt chiếu. |

Bài 7: Trong bài "Hạt gạo làng ta" nhà thơ Trần Đăng Khoa viết:

Hạt gạo làng ta
 Có bão tháng bảy
 Có mưa tháng ba
 Giọt mồ hôi sa
 Những trưa tháng sáu
 Nước như ai nấu
 Chết cả cá cò
 Cua ngoi lên bờ
 Mẹ em xuống cấy.

Đoạn thơ giúp em hiểu được ý nghĩa gì của hạt gạo? Hãy nói rõ tác dụng của điệp ngữ và hình ảnh đối lập được sử dụng trong đoạn thơ trên.

B6: Sắp xếp từ theo nhóm

Bài 1: Cho các từ sau: núi đồi, rục rờ, chen chúc, vườn, dịu dàng, ngọt, thành phố, ăn, đánh đập.

Hãy sắp xếp những từ trên thành các nhóm theo 2 cách:

- a. Dựa vào cấu tạo (từ đơn, từ láy, từ ghép).
- b. Dựa vào từ loại (DT, ĐT, TT).

Bài 2: Cho các từ: gặm, vô, tha, rượt, cắn, chộp, quắp, đuổi, ngoạm, rông



a. Hãy xếp các từ trên thành những nhóm từ cùng nghĩa hoặc gần nghĩa với nhau.

b. Nêu nghĩa chung của từng nhóm từ đã phân loại nói trên.

Bài 3: Xếp các từ sau thành những cặp từ trái nghĩa: cười, gợn gàng, mới, hoang phí, ồn ào, khéo, đoàn kết, cũ, nhanh nhẹn, bừa bãi, khóc, lặng lẽ, chia rẽ, chậm chạp, vụng, tiết kiệm.

Bài 4: Dựa vào nghĩa của tiếng "cảnh" hãy xếp các từ: thắng cảnh, cảnh cáo, phong cảnh, cảnh vật, cảnh giác, cảnh tỉnh thành 2 nhóm và cho biết nghĩa của tiếng "cảnh" trong mỗi nhóm.

Bài 5: Xếp các từ sau thành 2 nhóm và đặt tên cho mỗi nhóm (xếp theo ý nghĩa): Ngoan, cao lớn, hiền lành, mảnh mai, lực lưỡng, điềm đạm, chất phác, ngây thơ, hiếu thảo, gầy gò, rắn rỏi, xương xương.

Bài 6: Căn cứ vào nghĩa của từ hãy phân các từ dưới đây thành 4 nhóm từ cùng nghĩa, gần nghĩa: Tổ Quốc, thương yêu, kính yêu, non sông, đất nước, thanh bạch, anh hùng, gan dạ, yêu thương, giang sơn, anh dũng, thanh đạm, xứ sở, yêu mến, dũng cảm, non nước, quý mến, thanh cao, can đảm, quê hương.

Bài 7: Hãy xếp các từ sau thành 2 nhóm và đặt tên cho mỗi nhóm: ngoằn ngoèn, khúc khích, đủng đỉnh, lêu nghêu, vi vu, lú lo, thiết tha, sừng sững, rì rầm, cheo leo.

Bài 8: Cho 1 số từ sau: vạm vỡ, trung thực, đôn hậu, tầm thước, mảnh mai, béo thấp, trung thành, gầy, phản bội, khoẻ, cao, yếu, hiền, cứng rắn, giả dối.

Hãy:

a. Dựa vào nghĩa xếp các từ trên vào 2 nhóm và đặt tên cho từng nhóm.

b. Tìm các cặp từ trái nghĩa trong mỗi nhóm.

Bài 9: Căn cứ vào nội dung của thành ngữ, hãy phân tích thành 3 nhóm, đặt tên cho mỗi nhóm:

Quê cha đất tổ, tóc bạc da mồi, giang sơn gấm vóc, cày sâu cuốc bẫm, trên kính dưới nhường, chôn rau cắt rốn, non xanh nước biếc, chân lấm tay bùn, đắp đập be bờ, mang nặng đẻ đau, thương con quý cháu, hai sương một nắng, thẳng cánh cò bay.

B7: Xác định chủ ngữ, vị ngữ

Bài 1: Xác định CN, VN trong mỗi câu sau:

a. Tiếng cá quẫy tung toẵng xôn xao quanh mạn thuyền.

b. Những chú gà nhỏ như những hòn tơ lăn tròn trên bãi cỏ.

c. Học quả là khó khăn, vất vả.

Bài 2: Chữa lại mỗi câu sai ngữ pháp dưới đây bằng 2 cách: Thêm từ ngữ, bớt từ ngữ:

a. Trên khuôn mặt bầu bĩnh, hồng hào, sáng sủa.

b. Để chi đội 5A trở nên vững mạnh, dẫn đầu toàn liên đội.



- c. Qua bài thơ bộc lộ tình yêu quê hương đất nước sâu nặng.
- d. Khi những hạt mưa đầu xuân nhẹ nhàng rơi trên lá non.
- e. Mỗi đồ vật trong căn nhà nhỏ bé, đơn sơ mà ấm cúng.

Bài 3: Tìm CN, VN:

- a. Tiếng suối chảy róc rách.
- b. Lốp thanh niên ca hát, nhảy múa. Tiếng chuông, tiếng cồng, tiếng đàn tơ rung vang lên.
- c. Ngày tháng đi thật chậm mà cũng thật nhanh.
- d. Hoa lá, quả chín, những vật nấm ẩm ướt và con suối chảy thềm dưới chân đua nhau tỏa mùi thơm.
- e. Mùa xuân là Tết trồng cây.
- g. Con hơn cha là nhà có phúc.
- h. Dưới ánh trăng, dòng sông sáng rực lên, những con sóng nhỏ vỗ nhẹ vào hai bên bờ cát.

Bài 4: "Cả thung lũng giống như một bức tranh thủy mặc. Những sinh hoạt của ngày mới bắt đầu. Trong rừng, thanh niên gõ bẫy gà, bẫy chim. Phụ nữ giặt giũ bên những giếng nước. Em nhỏ đùa vui trước nhà sàn. Các cụ già chụm đầu bên những ché rượu cần. Các bà, các chị sửa soạn khung cửi".

- a. Tìm câu kể Ai - làm gì trong đoạn văn.
- b. Xác định CN, VN của các câu vừa tìm.

Bài 5: a. Tìm câu kể Ai - làm gì trong đoạn văn.

- b. Xác định CN, VN của các câu vừa tìm.

"Đêm trăng - Biển yên tĩnh. Tàu chúng tôi buông neo trong vùng biển Trường Sa

Một số chiến sĩ thả câu. Một số khác quây quần trên boong sau ca hát, thổi sáo. Bỗng biển có tiếng động mạnh. Cá heo gọi nhau quây đến quanh tàu như để chia vui".

Bài 6: Điền thêm vào chỗ trống để thành câu hoàn chỉnh theo kiểu câu "Ai - làm gì?"

- Anh ấy.....
- Cả tôi và Hùng.....
- sửa lại bồn hoa.
- đang chuẩn bị bữa cơm chiều.

Bài 7: a. Tìm câu kể Ai - thế nào trong đoạn văn sau

- b. Xác định CN, VN của các câu vừa đó.

"Ngoài giờ học, chúng tôi tha thân bên bờ sông bắt bướm. Những con bướm đủ hình dáng, đủ màu sắc. Con xanh biếc pha đen như nhung. Con vàng sẫm, nhiều hình mặt nguyệt, ven cánh có răng cưa. Con bướm quạ to bằng hai bàn tay người lớn, màu nâu xỉn. Bướm trắng bay theo đàn lú rú như hoa nắng".



Bài 8: "Ruộng rẫy là chiến trường
Cuộc cày là vũ khí
Nhà nông là chiến sĩ
Hậu phương thi đua với tiền phương".

- Trong các câu trên, câu nào có dạng "Ai - là gì".
- Xác định CN, VN câu vừa tìm.

Bài 9: Tìm CN, VN ở những câu có dạng Ai - là gì trong bài thơ:

Nắng
Bông cúc là nắng làm hoa'
Bướm vàng là nắng bay xa lượn vòng
Lúa chín là nắng của đồng
Trái thị, trái hồng... là nắng của cây.

Bài 10: Xác định CN của các câu kể Ai - là gì?

- Trẻ em là tương lai của đất nước.
- Mạng lưới kênh rạch chằng chịt là mạch máu cung cấp nước cho cả vùng vựa lúa Nam Bộ.

Bài 11: Viết tiếp vào chỗ trống các từ ngữ thích hợp để tạo thành câu kể Ai là gì?

- là người được toàn dân kính yêu và biết ơn.
- là những người đã cống hiến đời mình cho sự nghiệp bảo vệ Tổ Quốc.
- là người tiếp bước cha anh xây dựng Tổ Quốc Việt Nam ngày càng giàu đẹp.

Bài 12: Xác định các bộ phận CN, VN, trạng ngữ trong mỗi câu sau:

- Sáng sớm, bà con trong các thôn đã nườm nượp đổ ra đồng.
- Đêm ấy, bên bếp lửa hồng ba người ngồi ăn cơm với thịt gà rừng.
- Sau những cơn mưa xuân, một màu xanh non ngọt ngào thơm mát trải ra mênh mông trên khắp các sườn đồi.
- Đứng trên mũi vững chắc của chiếc xuồng máy, người nhanh tay có thể vớt lên hái được những trái cây trĩu xuống từ hai phía cù lao.

Bài 13: Xác định các bộ phận CN, VN, trạng ngữ trong mỗi câu sau:

- Hồi còn đi học, Hải rất say mê âm nhạc. Từ cái căn gác nhỏ của mình, Hải có thể nghe tất cả các âm thanh náo nhiệt, ồn ã của thành phố thủ đô.
- Nhờ có bạn bè giúp đỡ, bạn Hoà đã có nhiều tiến bộ trong học tập.
- Đêm ấy, bên bếp lửa hồng, cả nhà ngồi luộc bánh chưng, trò chuyện đến sáng.
- Buổi sớm, ngược hướng chúng bay đi tìm ăn và buổi chiều theo hướng chúng bay về ổ, con thuyền sẽ tới được bờ.



e. Sống trên cái đất mà ngày xưa, dưới sông cá sấu cản trước mũi thuyền, trên cạn hồ rình xem hát này, con người phải thông minh và giàu nghị lực.

Bài 14: Xác định các bộ phận CN, VN, trạng ngữ trong mỗi câu sau:

- a. Ngoài đường, tiếng mưa rơi lộp độp, tiếng chân người chạy lép nhép.
- b. Trên bãi cỏ rộng các em bé xinh xắn nô đùa vui vẻ.
- c. Mùa xuân, những tán lá xanh um, che mát cả sân trường.
- d. Giữa đồng bằng xanh ngắt lúa xuân, con sông Nậm Rốn trắng sáng có khúc ngoằn ngoèo, có khúc trườn dài.
- e. Rải rác khắp thung lũng, tiếng gà gáy râm ran.
- g. Những khi đi làm nướng xa, chiều không về kịp, mọi người ngủ lại trong lều.
- h. Ngay thềm lăng, mùi tám cây vạn tuế tượng trưng cho một đoàn quân danh dự đứng trang nghiêm.
- i. Trưa, nước biển xanh lơ và khi chiều tà, biển đổi sang màu xanh lục.
- k. Trên nền cát trắng tinh, nơi ngực cô Mai tì xuống đón đường bay của giặc, mọc lên những bông hoa tím.
- l. Trong bóng nước láng trên cát như gương, những con chim bông biển trong suốt như thủy tinh lăn tròn trên những con sóng.
- m. Sau tiếng chuông chùa, mặt trăng đã nhỏ lại, sáng vàng vạc.
- n. Hoa lá, quả chín, những vạt nấm ẩm ướt và con suối chảy thềm dưới chân đua nhau tỏa mùi thơm.
- o. Dưới ánh trăng, dòng sông sáng rực lên, những con sóng vỗ nhẹ vào hai bên bờ cát.

A8: Mở rộng vốn từ: Cái đẹp

Bài 1: Điền vào mỗi cột B từ ngữ tả vẻ đẹp bên ngoài của con người:

A	B	C
Vẻ đẹp của hình dáng	Vẻ đẹp của khuôn mặt	Vẻ đẹp của đôi mắt

Bài 2: Những từ ngữ nào chỉ vẻ đẹp về tâm hồn, tính cách của con người:

- | | | | |
|-------------|------------|--------------|-------------|
| a. thật thà | b. tế nhị | c. dịu hiền | d. cởi mở |
| e. thon thả | g. cao ráo | h. sáng suốt | i. độ lượng |

Bài 3: Đặt câu với 1 từ vừa tìm được ở bài 1, 2

Bài 4: Những từ ngữ nào tả vẻ đẹp của cảnh vật thiên nhiên hoặc của phong cảnh:

- | | | | |
|---------------|--------------|------------|-------------|
| a. hùng vĩ | b. xanh biếc | c. đỏ rực | d. đen ngòm |
| e. trắng suốt | g. sừng sững | h. nên thơ | i. yếu điệu |

Bài 5: Tìm thành ngữ hoặc tục ngữ nói về:

- a. Vẻ đẹp bên ngoài của con người.



b. Vẻ đẹp của sông núi.

Bài 6: Viết tiếp vào chỗ trống từ ngữ chỉ vẻ đẹp truyền thống của nhân dân ta.
Cần cù lao động, dũng cảm đánh giặc ngoại xâm.....

Bài 7: Những từ ngữ nào chỉ vẻ đẹp truyền thống của phụ nữ Việt Nam:

- Chịu thương chịu khó.
- Hết lòng vì gia đình, con cái.
- Đảm đang việc nhà
- Tự tin
- Yêu nước
- Dịu hiền
- Mạnh dạn trong công việc
- Đòi bình đẳng với nam giới.

Bài 8: Những từ ngữ nào có thể ghép với từ "đẹp" để chỉ mức độ cao của cái đẹp:

- | | | | |
|----------|------------|---------------|-------------|
| a. Nhất | b. Mĩ mĩ | c. Tuyệt trần | d. Mê hồn |
| e. Mê li | g. Khôn tả | h. Tuyệt tác | i. Kinh hồn |

Bài 9: Những thành ngữ, tục ngữ nào nói về vẻ đẹp tâm hồn và phẩm chất của con người.

- Thương người như thể thương thân
- Nói ngọt lọt đến xương.
- Mắt phượng mày ngài.
- Người đẹp vì lụa, lúa tốt vì phân.

A9: Mở rộng vốn từ: Dũng cảm

Bài 1: Tìm những từ gần nghĩa với từ "dũng cảm" trong các từ dưới đây:

"dũng cảm, gan dạ, tha thiết, hoà thuận, hiếu thảo, anh hùng, anh dũng, chăm chỉ, lễ phép, chuyên cần, can đảm, can trường, thân thiết, gan góc, gan lì, tận tụy, tháo vát, thông minh, bạo gan, quả cảm"

Bài 2: Những từ nào trái nghĩa với từ "dũng cảm"

- | | | | |
|-------------|-------------|-------------|---------------|
| a. gan lì | b. hèn nhát | c. yếu đuối | d. tự ti |
| e. nhất gan | g. run sợ | h. bi quan | i. trốn tránh |

Bài 3: Những hành động nào thể hiện con người có lòng dũng cảm.

- Chống lại cái ác, bênh vực lẽ phải.
- Trả lại của rơi cho người đánh mất.
- Không quản nguy hiểm cứu người gặp nạn.
- Dám nói lên sự thật dù bị kẻ xấu cố che giấu.
- Không nhận sự thương hại của người khác.

Viết đoạn văn (5 - 7 câu) nói về 1 tấm gương dũng cảm chống giặc của nhân dân ta trong đó có dùng 2 - 3 từ gần nghĩa với từ "dũng cảm".

Bài 5: Thành ngữ nào nói về lòng dũng cảm:



- a. Thức khuya dậy sớm
- b. Một mất một còn.
- c. Vào sinh ra tử
- d. Cày sâu cuốc bẫm
- đ. Đứng mũi chịu sào
- e. Lấp biển vá trời.
- g. Gan vàng dạ sắt
- h. Nhường cơm sẻ áo
- i. Ba chìm bảy nổi
- k. Chân lấm tay bùn.

Bài 6: Đặt câu với 1 thành ngữ vừa tìm được ở bài 5.

Bài 7:

"Nòi tre đâu chịu mọc cong
Chưa lên đã nhọn như chông lạ thường
Lưng trần phơi nắng phơi sương
Có manh áo cộc tre nhường cho con"

Em thấy đoạn thơ trên có những hình ảnh nào đẹp? Hãy nêu ý nghĩa đẹp đẽ và sâu sắc của những hình ảnh đó.

Thư viện Tiểu học – Ươm mầm tương lai đã có phiếu cuối tuần và bộ đề kiểm tra lớp 12345 (Kết nối tri thức, Cánh diều, Chân trời sáng tạo)

NHẬP LINK XEM THƯ TÀI LIỆU THƯ VIỆN

Lớp 1:

https://drive.google.com/drive/folders/18vSFIyEJ_y5c9uYnJbuJnFQogN6sSnKr?usp=sharing

Lớp 2:

<https://drive.google.com/drive/folders/1NyVNEM5LXRgBRvI10r860OXW5xhDWia5?usp=sharing>

Lớp 3:

<https://drive.google.com/drive/folders/1uN6s8vodQOQRIdLzRntfWBcIjHvkmX5K?usp=sharing>

Lớp 4:

https://drive.google.com/drive/folders/1Y1-51OeKlJsryh958MV9Y8wVAF_jm8Bh?usp=sharing

Lớp 5:

https://drive.google.com/drive/folders/14MYguk6MuHaILRB CQZj6oIEwB65j9bI_?usp=sharing

ĐĂNG KÝ NHẬN BẢN MỀM CÓ PHÍ TÀI LIỆU HAY BẠC TIỂU HỌC CỦA THƯ VIỆN

bằng cách:

=> INBOX trang thư viện theo link sau:

<https://www.facebook.com/tangkinhcactieuhoc>

=> Hoặc nhắn tin số Zalo: 0973368102

ĐĂNG KÝ LỚP VĂN ONLINE DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 2, 3 4 5 CỦA GÁC VĂN TIỂU HỌC

bằng cách:

=> INBOX trang Góc văn Tiểu học theo link sau::

<https://www.facebook.com/GacvanTieuhoc>

=> Hoặc nhắn tin số Zalo: 0978203282